CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Địa ốc 11

Ngày 30/06/2025	10,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	16.1%	**11.6%**	**13.8%**

DT thuần
Q2/25
28.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.20| 22.3%
YoY: ▲ 12.0| 72.1%

LN thuần
Q2/25
0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.74| -83.3%
YoY: ▲ 0.88| 267%

LN sau thuế
Q2/25
0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.11| -80.3%
YoY: ▼0.93| -64.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.5%
YoY: +/-▼ 11.5%

ROE (TTM)
Q2/25
2.6%
YoY: +/-▼ 0.5%

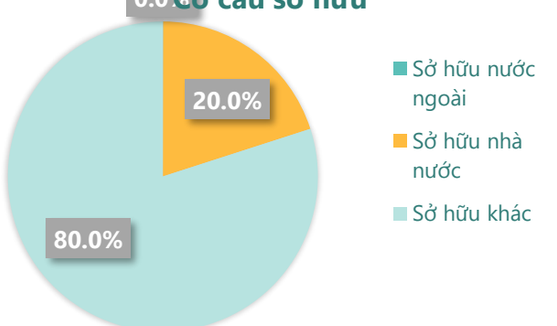
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,974 - 10,573
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
Số lượng CPLH (CP)	7,338,138
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,220
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.90
EPS	660
P/E	15.6

DT thuần
6T 2025
52.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.9| 61.3%

LN thuần
6T 2025
3.84
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.23| 532%

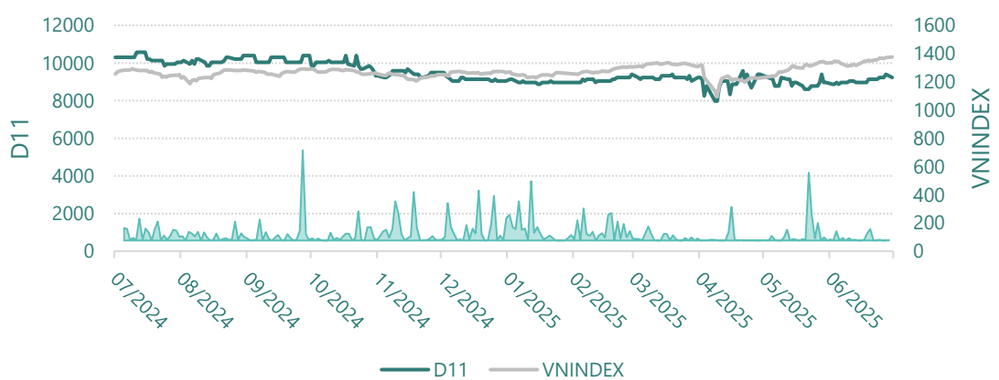
LN sau thuế
6T 2025
3.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.95| 43.1%

Cơ cấu sở hữu

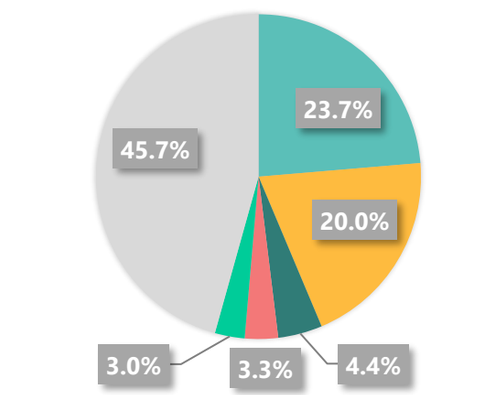


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

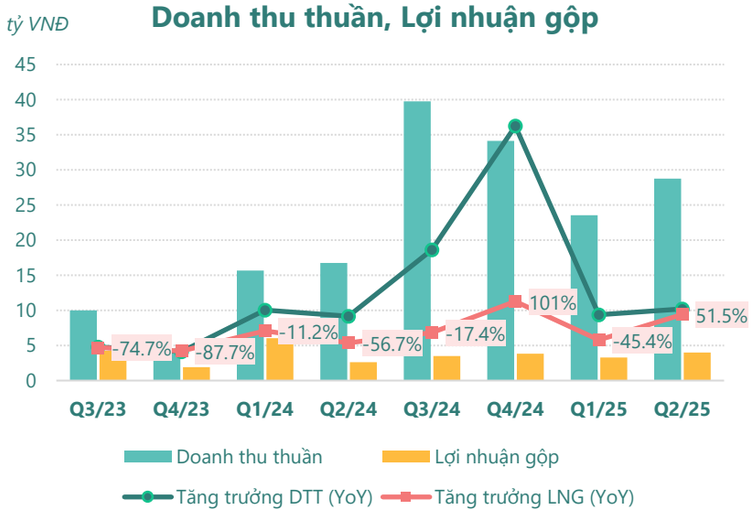


- Lê Thành Nhơn (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV
- Nguyễn Thùy Dung
- Nguyễn Khắc Giang (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Kim Huệ (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

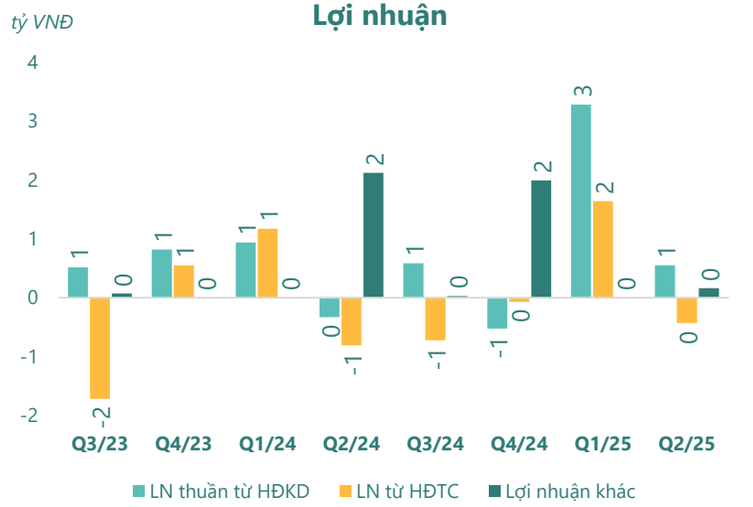
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



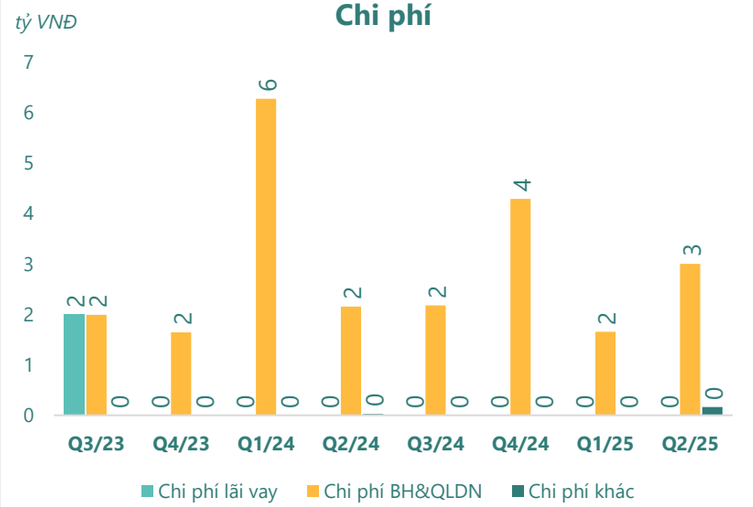
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



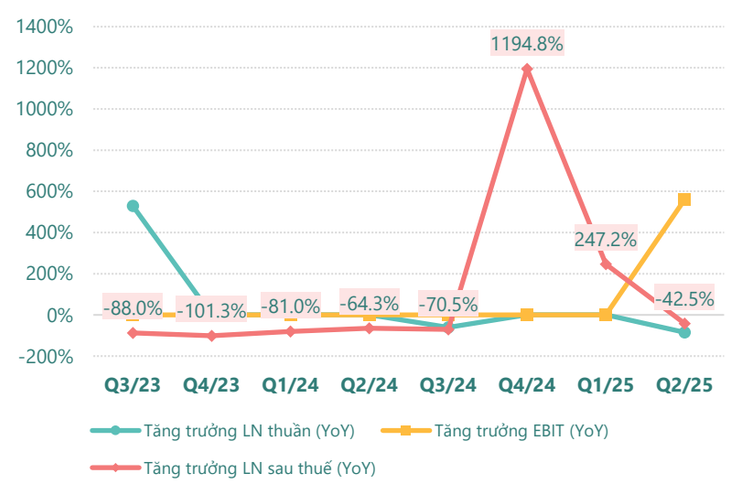
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



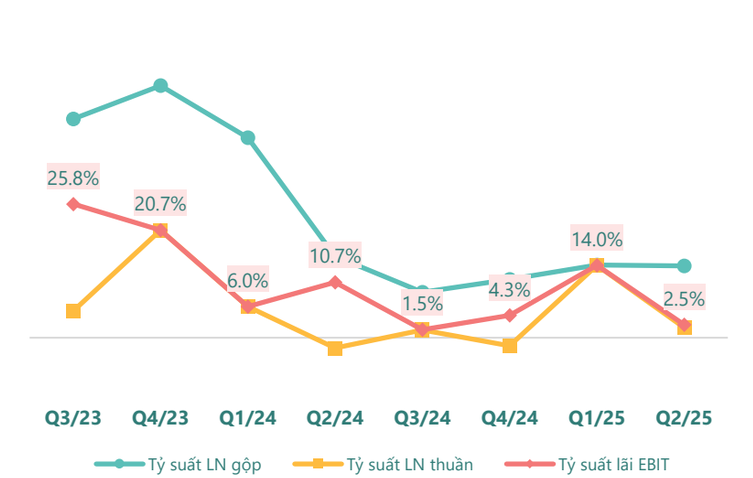
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



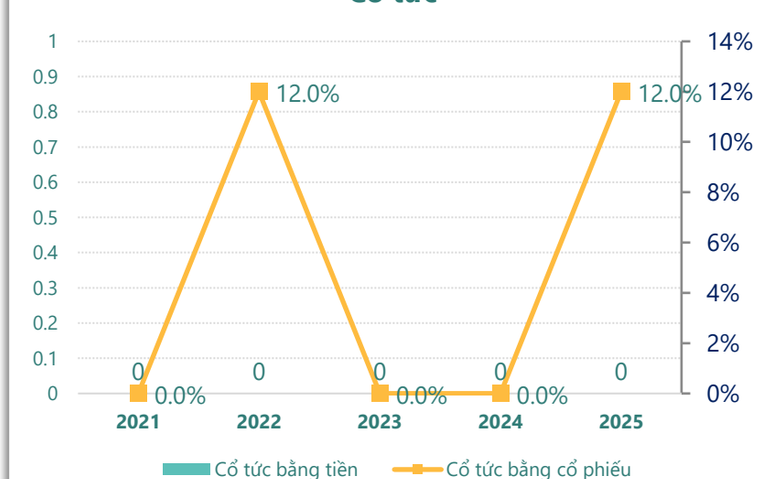
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

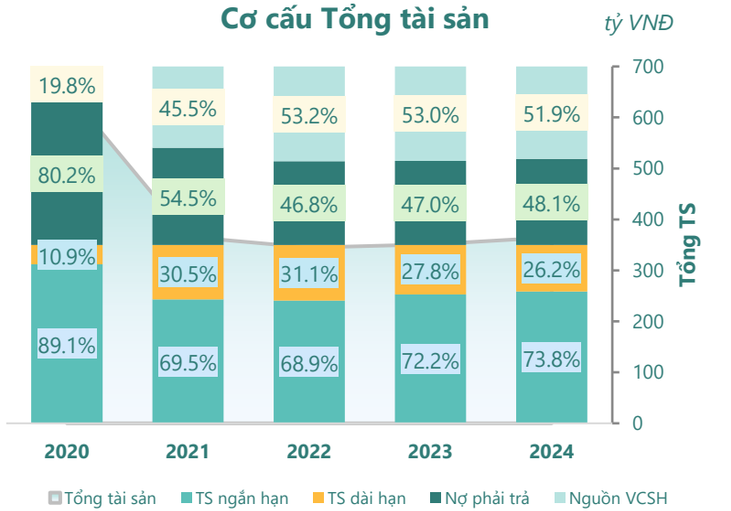
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

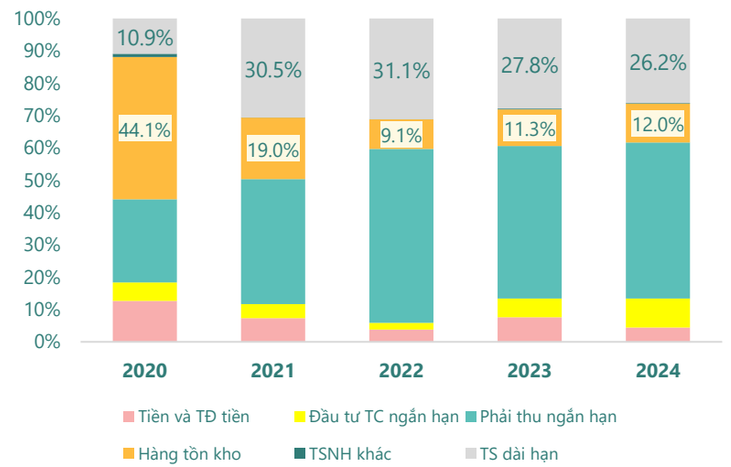
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



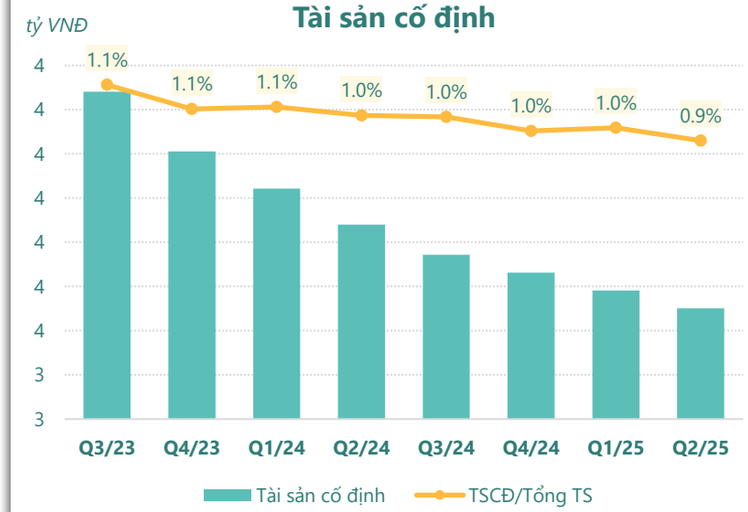
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



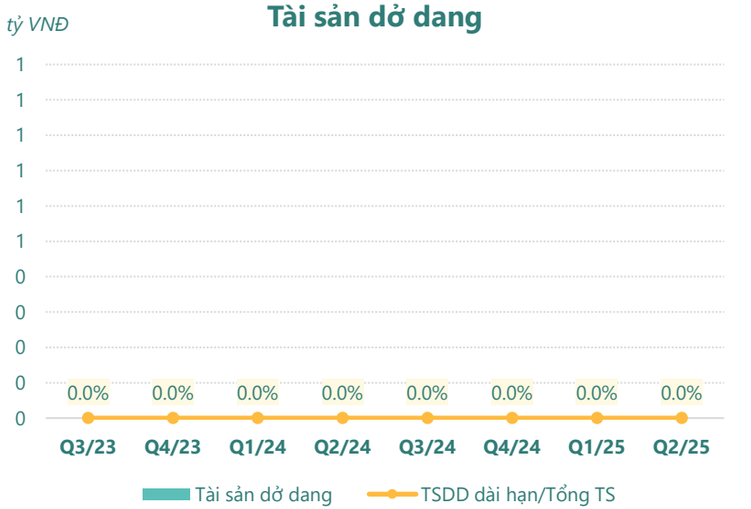
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



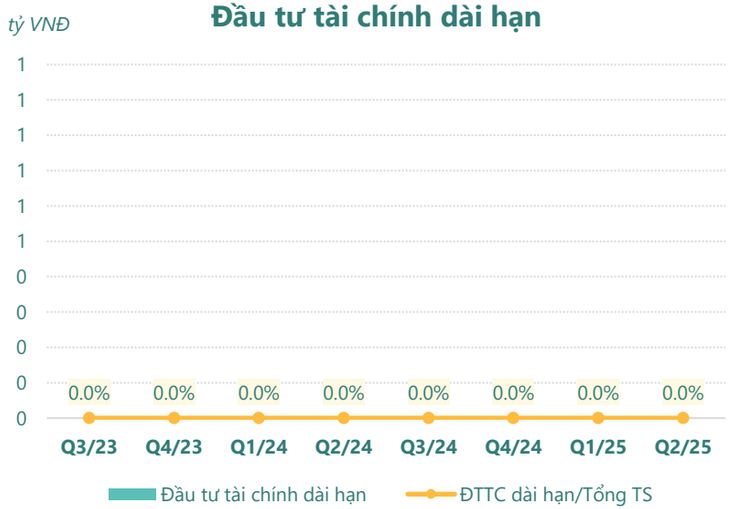
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



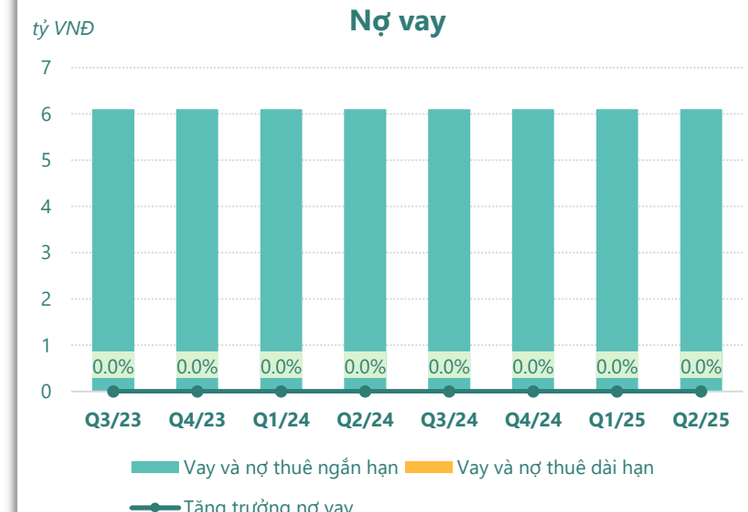
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

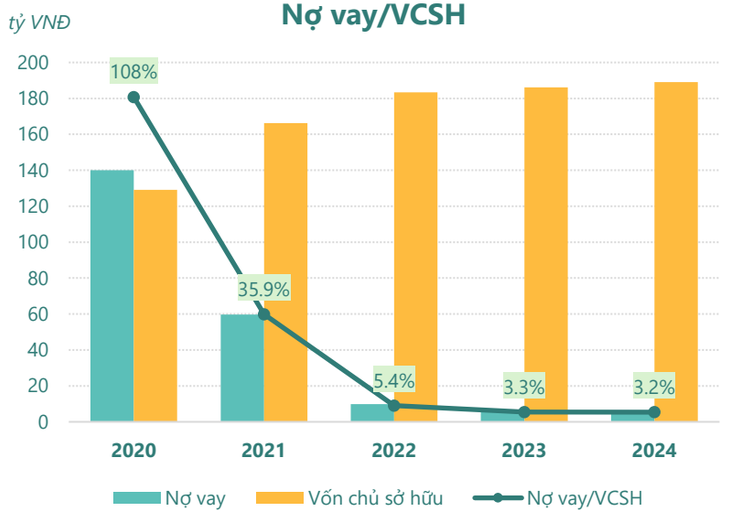
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



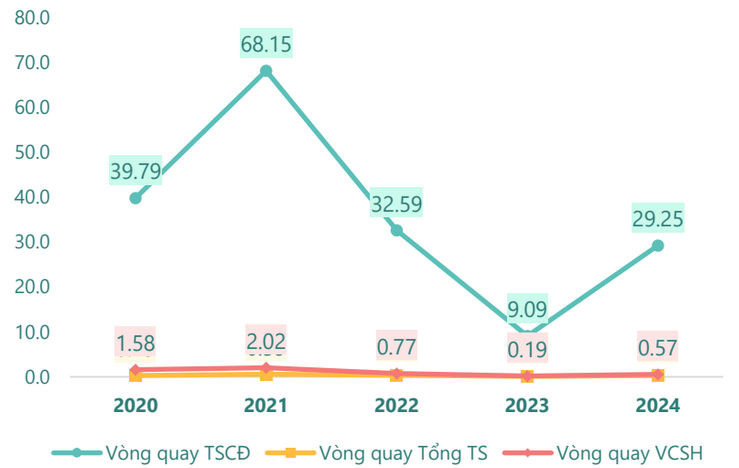
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



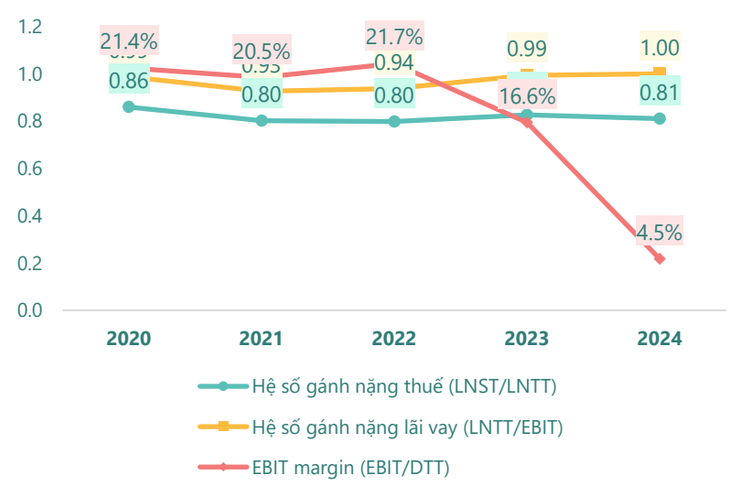
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



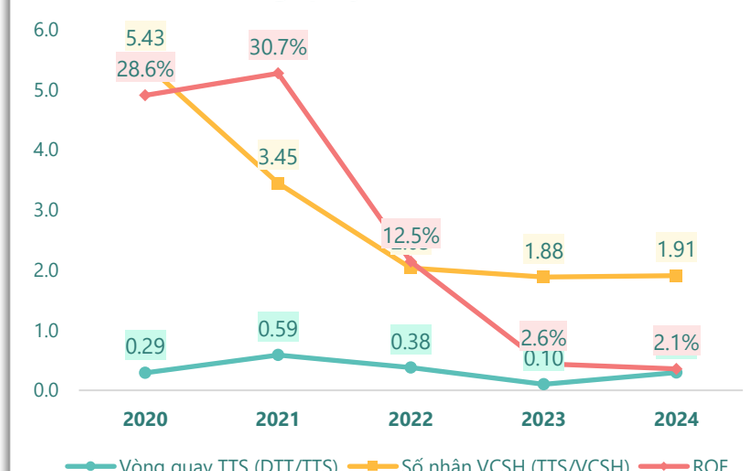
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



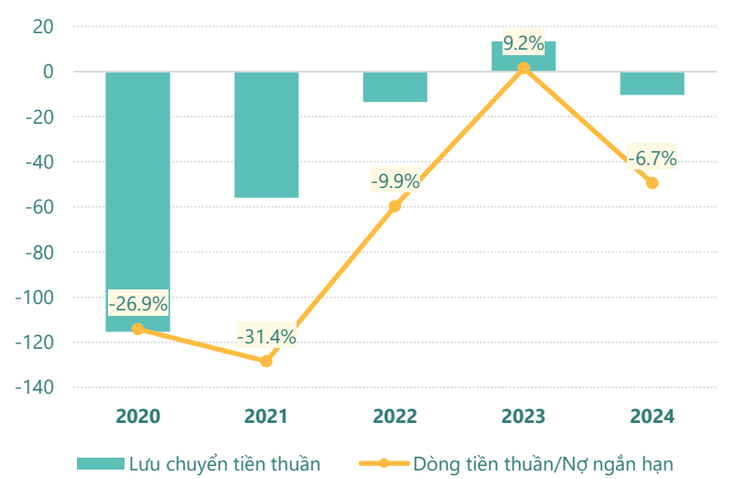
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.7**	**16.7**	**72.1%**	**52.3**	**32.4**	**61.3%**
Giá vốn hàng bán	24.8	14.1	75.6%	45.0	23.7	89.6%
Lợi nhuận gộp	3.99	2.63	51.6%	7.29	8.68	-16.0%
Doanh thu HĐTC	1.93	2.51	-23.2%	4.23	3.74	13.0%
Chi phí TC	2.36	3.32	-29.0%	3.02	3.38	-10.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.10	-100%	0	0.24	-100%
Chi phí QLDN	**3.00**	**2.06**	**45.9%**	**4.66**	**8.19**	**-43.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.55	-0.33	267%	3.84	0.61	532%
Lợi nhuận khác	**0.16**	**2.12**	**-92.3%**	**0.16**	**2.12**	**-92.3%**
LN trước thuế	0.71	1.79	-60.1%	4.00	2.73	46.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.52**	**1.45**	**-64.2%**	**3.15**	**2.20**	**43.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.52**	**1.45**	**-64.2%**	**3.15**	**2.20**	**43.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.44	-0.59	-1.88	-9.20	1.44	37.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.07	-0.62	1.19	0.07	0.03	0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	26.6	27.2	26.0	25.4	16.2	17.7
Lưu chuyển tiền thuần	**0.62**	**-1.21**	**-0.69**	**-9.13**	**1.47**	**37.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.2	26.0	25.4	16.2	17.7	54.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**373**	**365**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	279	269	3.6%
Tiền và tương đương tiền	54.9	16.2	238%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	32.6	-59.9%
Phải thu ngắn hạn	175	176	-0.8%
Hàng tồn kho	35.8	43.7	-18.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.62	-42.4%
Tài sản dài hạn	**94.3**	**95.4**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.53	3.57	-1.1%
Bất động sản đầu tư	90.8	91.8	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	182	175	3.5%
Nợ ngắn hạn	**170**	**155**	**9.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.10	6.10	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	18.5	-25.8%
Nợ dài hạn	11.6	20.5	-43.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**189**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**189**	**1.2%**
Vốn điều lệ	73.4	73.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)